TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2017/DS-ST
Ngày: 09/01/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Tòng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Huê**

2. Bà **Lê Thị Hoàng Diễm**.

- *Thư ký tòa án phiên tòa*: Ông **Huỳnh Minh Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Hiền Diệu** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/12/2017 và ngày 09/01/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017/QĐXX - ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1942; (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre
Bị đơn: - Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1976; (Có mặt)
- Ông **Nguyễn Công Q**, sinh năm 1970; (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/8/2017, bản tự khai, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q có tham gia của ông D 02 dây hụi vào năm 2015. Cụ thể:

- Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 01/5/2015, gồm 25 phần, bà T, ông Q tham gia 01 phần. Sau khi hốt hụi đầu được 32.020.000 đồng, bà T đóng được 10 phần hụi chết, còn thiếu lại 15 phần hụi chết số tiền là 30.000.000 đồng.

- Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 01/6/2015, gồm 25 phần, bà T, ông Q tham gia 01 phần. Sau khi hốt hụi đầu được 32.640.000 đồng, T đóng được 10 phần hụi chết còn thiếu lại 15 phần hụi chết số tiền là 30.000.000 đồng.

Từ ngày 01/6/2016, bà T bắt đầu không đóng hụi chết cho ông D. Ông D đã nhiều lần đến nhà gặp ông Q và bà T để thu tiền hụi chết. Từ thời điểm đó, bà T có trả được tiền hụi cho ông cụ thể như sau: Ngày 01/5/2016 trả được 2.000.000 đồng; ngày 01/6/2016 trả được 1.000.000 đồng, ngày 01/7/2016 trả được 1.000.000 đồng, ngày 01/8/2016 trả được 1.000.000 đồng, ngày 01/9/2016 trả được 1.000.000 đồng, ngày 01/11/2016 trả được 1.000.000 đồng; ngày 21/02/2016 trả được 1.000.000 đồng; ngày 01/3/2017 trả được 1.000.000 đồng. Kể từ ngày 01/3/2017 cho đến nay bà T không trả tiền hụi chết cho ông D nữa mặc dù ông đã đến đòi nhiều lần.

Tổng cộng số tiền hụi chết hiện tại bà T và ông Q còn nợ là 51.000.000 đồng. Ông D đã có đơn yêu cầu UBND xã Q giải quyết nhưng không thành. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 51.000.000 đồng khi quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà T thừa nhận có tham gia chơi 02 dây hụi như lời trình bày của ông D là đúng. Hiện tại, bà T thống nhất còn nợ lại ông D số tiền hụi chết là 51.000.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên bà chưa trả nợ được cho ông D. Bà T đồng ý một mình bà sẽ trả cho ông D số tiền 51.000.000 đồng nhưng xin trả dần.

Ông Nguyễn Công Q là bị đơn vắng mặt trong các phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa ngày hôm nay nên không có lời trình bày.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Các bên đương sự tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền hụi còn nợ là 51.000.000.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Công Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Bà T đã có mặt tại phiên tòa ngày 21/12/2017, phiên tòa tạm dừng vì lý do sức khỏe của bà T. Tuy nhiên, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bà T vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 09/01/2018. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Q là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q có nơi cư trú tại ấp Q, xã Q, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà T thừa nhận có tham gia 02 dây hụi của ông Nguyễn Văn D vào các ngày 01/5/2015, 01/6/2015. Hiện nay, bà còn nợ lại ông D số tiền hụi chết của 02 dây hụi tổng cộng 51.000.000 đồng và bà T đồng ý trả cho cho ông D số tiền 51.000.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của ông D và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là chứng cứ không phải chứng minh. Do đó, ông Nguyễn Văn D khởi kiện đòi số tiền nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Tại biên bản hòa giải ngày 10/11/2017 và tại phiên tòa: ông D trình bày việc bà T chơi hụi thì chồng của bà T là ông Q có biết, khi bà T bị bể nợ, ông có đến nhà đòi tiền thì ông Q cũng đã hứa sẽ cùng bà T trả nợ, và ông Q cũng có 01 lần trả tiền hụi chết thay cho bà T. Tại biên bản làm việc ngày 08/11/2017 và tại phiên tòa: Bà T thừa nhận việc bà chơi hụi là để có tiền xoay sở trả các khoản nợ trước đây và dùng vào chi phí sinh hoạt gia đình. Mặt khác, ông Q và bà T là vợ chồng và còn sống chung; việc bà T chơi hụi của ông D từ năm 2014 đến nay và dùng vào mục đích sinh hoạt gia đình; khoản nợ này phát trong thời kỳ hôn nhân của ông Q và bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đây là nợ chung của vợ chồng ông Q và bà T nên cần buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q liên đới trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 51.000.000 đồng là phù hợp. Bà Nguyễn Thị Thanh T xin được trả dần số tiền nợ nêu trên mỗi năm 2.400.000 đồng nhưng ông D không đồng ý nên không xét đến. Ông Nguyễn Văn D không yêu cầu tính lãi nên không xem xét đến phần lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu được chấp nhận nên ông D không phải chịu án phí.

Bà T và ông Q có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân dự sơ thẩm có giá ngạch là: 51.000.000 đồng x 5% = 2.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 357; 466; 471; 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng vào Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q có trách nhiệm liên đới trả cho

ông Nguyễn Văn D số tiền hụi còn nợ là 51.000.000 (Năm mươi mốt triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành các khoản nêu trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 2.550.000 (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Hoàn toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn D số tiền 1.275.000 (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012632 ngày 12/10/2017 ông D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Tâm, ông Quẩn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND X. Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tòng